

Số: 10/2026/NQ-HĐND

Phú Thọ, ngày 30 tháng 6 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

**Quy định về chế độ, mức chi thăm hỏi, hỗ trợ đối với cán bộ,
công chức, viên chức, đảng viên và các đối tượng khác
trên địa bàn tỉnh Phú Thọ**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được
sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

*Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính
phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà
nước;*

*Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính
phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành
Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định
số 187/2025/NĐ-CP;*

*Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ
trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của
Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định
chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Xét Tờ trình số 538/TTr-UBND ngày 22 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân
dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến
tiếp thu, giải trình của Ủy ban nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội
đồng nhân dân tại kỳ họp;*

*Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định về chế độ, mức chi
thăm hỏi, hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức, đảng viên và các đối tượng
khác trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.*

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định về một số chế độ, mức chi có tính chất đặc thù đối
với cán bộ, công chức, viên chức, đảng viên và các đối tượng khác (sau đây gọi
tắt là đối tượng), gồm: Mức chi chia tay khi nghỉ hưu; mức chi thăm hỏi nhân dịp
Tết Nguyên đán; mức chi thăm hỏi khi ốm đau, điều trị tại cơ sở y tế; chế độ
khám sức khỏe định kỳ; chế độ hỗ trợ khám bệnh và điều trị bệnh; chế độ nghỉ
dưỡng sức; mức hỗ trợ tổ chức lễ tang; mức chi thăm viếng lễ tang; chế độ hỗ trợ
hàng tháng đối với đảng viên được tặng Huy hiệu tuổi Đảng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng; Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành Trung ương Đảng; Bí thư Tỉnh ủy; Phó Bí thư Tỉnh ủy; Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh.

2. Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh; Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh; Phó Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh.

3. Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh; cấp trưởng các cơ quan tham mưu, giúp việc, đơn vị sự nghiệp trực thuộc Tỉnh ủy; cấp trưởng cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; cấp trưởng các ban chuyên môn của Hội đồng nhân dân tỉnh; Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh; Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là trưởng tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh; Trưởng Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh; cấp trưởng các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh do Thủ tướng Chính phủ thành lập; cấp trưởng các đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội (từ ngày 30 tháng 6 năm 2025 trở về trước); Chỉ huy trưởng, Chính ủy Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh; cấp trưởng các cơ quan ngành dọc Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh gồm: Công an tỉnh, Tòa án nhân dân tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, Thống kê tỉnh, Bảo hiểm xã hội tỉnh, Thi hành án dân sự tỉnh, Thuế tỉnh, Kho bạc Nhà nước, Ngân hàng Nhà nước, nguyên Cục trưởng Cục Quản lý thị trường.

4. Thư ký Bí thư Tỉnh ủy; cấp phó các cơ quan tham mưu, giúp việc, đơn vị sự nghiệp trực thuộc Tỉnh ủy; cấp phó cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; cấp phó các ban của Hội đồng nhân dân tỉnh; Phó Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh; Phó Bí thư chuyên trách Đảng ủy các cơ quan Đảng tỉnh, Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh; Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, cấp phó các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh; Phó trưởng Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh; cấp phó các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh do Thủ tướng Chính phủ thành lập; cấp trưởng các hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ cấp tỉnh; Bí thư huyện ủy, thị ủy, thành ủy (từ ngày 30 tháng 6 năm 2025 trở về trước); Bí thư đảng ủy xã, phường (từ ngày 01 tháng 7 năm 2025); cấp trưởng các đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh do Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập; cấp phó các đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội và cấp phó các hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ cấp tỉnh (từ ngày 30 tháng 6 năm 2025 trở về trước); Phó Chỉ huy trưởng, Phó Chính ủy Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh; cấp phó các cơ quan ngành dọc Trung ương gồm: Công an tỉnh, Tòa án nhân dân tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, Thống kê tỉnh, Bảo hiểm xã hội tỉnh, Thi hành án dân sự tỉnh, Thuế tỉnh; cấp phó Kho bạc Nhà nước, Ngân hàng Nhà nước (công tác tại tỉnh); nguyên phó Cục trưởng Cục Quản lý thị trường.

5. Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy; Phó Bí thư, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Ủy viên Ban Thường vụ, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt

Nam các huyện, thành, thị và đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy (từ ngày 30 tháng 6 năm 2025 trở về trước); Phó Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường (từ ngày 01 tháng 7 năm 2025).

6. Cán bộ hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945 (lão thành cách mạng) đang cư trú trên địa bàn tỉnh.

7. Cán bộ hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến trước Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 (tiền khởi nghĩa) đang cư trú trên địa bàn tỉnh.

8. Bà mẹ Việt Nam anh hùng đang cư trú trên địa bàn tỉnh.

9. Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân; Anh hùng Lao động có quá trình công tác, cống hiến tại các cơ quan thuộc tỉnh.

10. Người có học hàm Giáo sư; Nhà giáo Nhân dân; Thầy thuốc Nhân dân; Nghệ sĩ Nhân dân có quá trình công tác, cống hiến tại các cơ quan thuộc tỉnh.

11. Đại biểu Quốc hội đương nhiệm thuộc Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Phú Thọ đang công tác, làm việc tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn tỉnh; Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh đương nhiệm.

12. Người có học hàm Phó Giáo sư; Thầy thuốc ưu tú; Nhà giáo ưu tú; Nghệ sĩ ưu tú có quá trình công tác, cống hiến tại các cơ quan thuộc tỉnh.

13. Thương binh suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên đang cư trú trên địa bàn tỉnh.

14. Đảng viên được tặng Huy hiệu từ 40 năm tuổi Đảng trở lên còn sống, không hưởng lương và các chế độ trợ cấp, phụ cấp, hỗ trợ hằng tháng từ ngân sách nhà nước.

Điều 3. Nguyên tắc, điều kiện áp dụng

1. Bảo đảm tuân thủ các quy định của Trung ương và phân cấp quản lý cán bộ của tỉnh Phú Thọ; kế thừa chính sách của các tỉnh trước khi hợp nhất; bảo đảm công bằng, đúng đối tượng, không chồng chéo, dễ thực hiện và phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của tỉnh.

2. Thực hiện các chế độ, chính sách nhằm động viên, khuyến khích các đối tượng có quá trình công tác, cống hiến cho sự phát triển của tỉnh Phú Thọ.

3. Nguyên chức được hiểu là cán bộ đã nghỉ hưu; chức vụ, chức danh của cán bộ để thực hiện chế độ chính sách là chức vụ, chức danh hiện tại hoặc ghi tại quyết định nghỉ hưu. Chính sách dành cho cán bộ nguyên chức được áp dụng đối với người có hộ khẩu thường trú và sinh hoạt Đảng tại tỉnh Phú Thọ.

4. Trường hợp một người thuộc nhiều đối tượng hoặc được hưởng nhiều mức hỗ trợ trong cùng một chính sách tại các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh thì chỉ được hưởng mức hỗ trợ cao nhất.

5. Trường hợp cán bộ điều động, luân chuyển đến cơ quan Trung ương hoặc địa phương khác, nếu khi nghỉ hưu cư trú trên địa bàn tỉnh và thuộc nhóm đối tượng áp dụng chính sách theo Nghị quyết này thì được xác định theo chức vụ, chức danh giữ trước khi điều động, luân chuyển.

6. Việc thực hiện các chế độ, chính sách quy định tại Nghị quyết này phải bảo đảm đúng đối tượng, tiêu chuẩn, định mức; công khai, minh bạch, tiết kiệm, hiệu quả và trong phạm vi dự toán ngân sách được giao theo quy định của pháp luật.

7. Không áp dụng chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức, đảng viên thuộc đối tượng của Nghị quyết này bị kỷ luật miễn nhiệm, cách chức trở lên, xóa tư cách chức vụ đã đảm nhiệm trong Đảng, chính quyền hoặc bị tước các danh hiệu vinh dự nhà nước, bị xóa tên trong danh sách đảng viên hoặc bị khai trừ ra khỏi Đảng.

Điều 4. Mức chi chia tay khi nghỉ hưu

1. Mức chi chia tay khi nghỉ hưu đối với đối tượng quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 2 của Nghị quyết này là 5.000.000 đồng/người.

2. Mức chi chia tay khi nghỉ hưu đối với đối tượng quy định tại khoản 3 Điều 2 của Nghị quyết này là 2.000.000 đồng/người.

Điều 5. Mức chi thăm hỏi nhân dịp Tết Nguyên đán

1. Mức chi thăm hỏi nhân dịp Tết Nguyên đán đối với đối tượng quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 2 của Nghị quyết này đã nghỉ hưu, cư trú trên địa bàn tỉnh và đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 2 của Nghị quyết này đã nghỉ hưu, cư trú ngoài địa bàn tỉnh là 5.000.000 đồng/người/năm.

2. Mức chi thăm hỏi nhân dịp Tết Nguyên đán đối với đối tượng quy định tại khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều 2 của Nghị quyết này đã nghỉ hưu, cư trú trên địa bàn tỉnh là 2.000.000 đồng/người/năm.

3. Trường hợp đối tượng đã từ trần thì dừng thực hiện chế độ kể từ năm sau liền kề của năm từ trần.

Điều 6. Mức chi thăm hỏi khi ốm đau, điều trị tại cơ sở y tế

1. Mức chi thăm hỏi đối với đối tượng đương chức, nguyên chức là Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng; Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy và đối tượng đã nghỉ hưu là Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành Trung ương Đảng có hộ khẩu thường trú và sinh hoạt đảng tại tỉnh Phú Thọ: 6.000.000 đồng/lần, tối đa không quá 02 lần/người/năm.

2. Mức chi thăm hỏi đối với đối tượng đương chức, nguyên chức là Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh, đối tượng đương chức, nguyên chức quy định tại khoản 2 Điều 2 và đối tượng đương chức quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 2 của Nghị quyết này: 2.000.000 đồng/người/lần, tối đa không quá 02 lần/người/năm.

3. Mức chi thăm hỏi đối với đối tượng đương chức là Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy, Phó Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường (từ ngày 01 tháng 7 năm 2025) và đối tượng nguyên chức quy định tại khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều 2 của Nghị quyết này, đối tượng quy

định tại khoản 6, khoản 7 Điều 2 của Nghị quyết này: 1.000.000 đồng/người/lần, tối đa không quá 02 lần/người/năm.

Điều 7. Chế độ khám sức khỏe định kỳ

1. Đối tượng đương chức, nguyên chức quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều 2 của Nghị quyết này được hưởng chế độ khám sức khỏe định kỳ 06 tháng/lần, mức hỗ trợ:

a) Hỗ trợ 100% kinh phí khám sức khỏe định kỳ và chi phí phát sinh đối với đối tượng đương chức và nguyên chức quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 2 của Nghị quyết này.

b) Hỗ trợ 100% kinh phí khám sức khỏe định kỳ đối với đối tượng đương chức và nguyên chức quy định tại khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều 2 của Nghị quyết này. Trường hợp phát sinh thêm thì mức hỗ trợ chi phí phát sinh thêm không vượt quá 2.000.000 đồng/người/đợt khám.

2. Đối tượng quy định tại khoản 6, khoản 7, khoản 8, khoản 9, khoản 10, khoản 11, khoản 12, khoản 13, Điều 2 Nghị quyết này được hưởng chế độ khám sức khỏe định kỳ 01 năm/lần.

Mức hỗ trợ: Hỗ trợ 100% kinh phí khám sức khỏe định kỳ. Trường hợp phát sinh thêm thì mức hỗ trợ chi phí phát sinh thêm không vượt quá 1.000.000 đồng/người/đợt khám.

3. Nội dung khám tại khoản 1, khoản 2 Điều này thực hiện theo quy định của Bộ Y tế.

Điều 8. Chế độ hỗ trợ khám bệnh và điều trị bệnh

1. Hỗ trợ 100% chi phí người bệnh cùng chi trả theo quy định của Luật Bảo hiểm y tế và tiền thuốc (sau khám) ngoài phần bảo hiểm y tế chi theo phác đồ điều trị của Bộ Y tế nhưng không quá 40 triệu đồng/người/năm đối với đối tượng đương chức và nguyên chức quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 2 của Nghị quyết này.

2. Hỗ trợ 100% chi phí người bệnh cùng chi trả theo quy định của Luật Bảo hiểm y tế và 50% tiền thuốc (sau khám) ngoài phần bảo hiểm y tế chi trả theo phác đồ điều trị của Bộ Y tế nhưng không quá 20 triệu đồng/người/năm đối với đối tượng đương chức, nguyên chức quy định tại khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều 2 của Nghị quyết này và đối tượng quy định tại khoản 6, khoản 10, khoản 11 Điều 2 của Nghị quyết này.

3. Kinh phí hỗ trợ người bệnh quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này không thuộc phạm vi thanh toán do Luật Bảo hiểm y tế quy định.

Điều 9. Chế độ nghỉ dưỡng sức

1. Chế độ

a) Đối tượng nguyên chức quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 2 của Nghị quyết này được hưởng chế độ nghỉ dưỡng sức 01 năm/01 lần.

b) Đối tượng nguyên chức quy định tại khoản 4, khoản 5, khoản 9, khoản 10 và đối tượng quy định tại khoản 6, khoản 7, khoản 8 Điều 2 của Nghị quyết này được hưởng chế độ nghỉ dưỡng sức 02 năm/01 lần.

2. Mức chi nghỉ dưỡng sức: 6.000.000đ/người/01 lần (bao gồm cả chi phí đi lại).

3. Đối với đối tượng từ 85 tuổi trở lên, nếu không tham gia nghỉ dưỡng tập trung thì được hỗ trợ nghỉ dưỡng tại nhà với mức hỗ trợ bằng 50% mức quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 10. Mức hỗ trợ tổ chức lễ tang

1. Ngoài các chế độ theo quy định của Trung ương, hỗ trợ 30.000.000 đồng/lễ tang đối với người từ trần là:

a) Đối tượng đương chức, nguyên chức quy định tại khoản 1 Điều 2 của Nghị quyết này.

b) Đối tượng quy định tại khoản 6 Điều 2 của Nghị quyết này được tặng thưởng Huân chương Độc lập hạng Nhất trở lên.

2. Hỗ trợ 15.000.000 đồng/lễ tang đối với người từ trần là đối tượng đương chức, nguyên chức quy định tại khoản 2 Điều 2 của Nghị quyết này.

Điều 11. Mức chi thăm viếng lễ tang

Mức chi thăm viếng quy định tại Điều này bao gồm tiền mặt và 01 vòng hoa cho mỗi trường hợp từ trần, cụ thể như sau:

1. Mức chi 2.500.000 đồng/người đối với người từ trần là:

a) Đối tượng đương chức và nguyên chức quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 2 của Nghị quyết này.

b) Đối tượng quy định tại khoản 6 Điều 2 của Nghị quyết này được tặng thưởng Huân chương Độc lập hạng Nhất.

2. Mức chi 2.000.000 đồng/người đối với người từ trần là:

a) Đối tượng đương chức và nguyên chức quy định tại khoản 3 Điều 2 của Nghị quyết này.

b) Thân nhân gồm: Bố, mẹ đẻ; bố, mẹ vợ hoặc bố, mẹ chồng; vợ hoặc chồng của đối tượng đương chức và nguyên chức quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 2 của Nghị quyết này.

3. Mức chi 1.500.000 đồng/người đối với người từ trần là:

a) Đối tượng đương chức quy định tại khoản 4 Điều 2 của Nghị quyết này và Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy; Phó Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường (từ ngày 01 tháng 7 năm 2025).

b) Đối tượng quy định tại khoản 6, khoản 7, khoản 8, khoản 9 và khoản 10 Điều 2 của Nghị quyết này;

4. Mức chi 1.000.000 đồng/người đối với người từ trần là:

a) Đại biểu Quốc hội đương nhiệm thuộc Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Phú Thọ đang công tác, làm việc tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn tỉnh;

- b) Đối tượng nguyên chức quy định tại khoản 5 Điều 2 của Nghị quyết này;
- c) Thân nhân gồm: Bố, mẹ đẻ; bố, mẹ vợ hoặc bố, mẹ chồng; vợ hoặc chồng của các đối tượng đương chức quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 2 của Nghị quyết này.

Điều 12. Chế độ hỗ trợ hàng tháng đối với đảng viên được tặng Huy hiệu tuổi Đảng

1. Đối tượng quy định tại khoản 14 Điều 2 của Nghị quyết này được hỗ trợ hàng tháng. Mức hỗ trợ tương ứng với mốc Huy hiệu tuổi Đảng cao nhất cụ thể như sau:

- a) 40 năm tuổi Đảng, 45 năm tuổi Đảng được hưởng 250.000 đồng/người/tháng;
- b) 50 năm tuổi Đảng được hưởng 800.000 đồng/người/tháng;
- c) 55 năm tuổi Đảng được hưởng 900.000 đồng/người/tháng;
- d) 60 năm tuổi Đảng được hưởng 1.000.000 đồng/người/tháng;
- đ) 65 năm tuổi Đảng được hưởng 1.100.000 đồng/người/tháng;
- e) 70 năm tuổi Đảng được hưởng 1.200.000 đồng/người/tháng;
- g) Từ 75 năm tuổi Đảng trở lên được hưởng 1.300.000 đồng/người/tháng.

2. Trường hợp đảng viên được tặng Huy hiệu từ 40 năm tuổi Đảng trở lên thuộc đối tượng hưởng các chế độ trợ cấp, phụ cấp, hỗ trợ hàng tháng từ ngân sách nhà nước, nếu thấp hơn mức hỗ trợ quy định tại khoản 1 Điều này, thì được hỗ trợ thêm phần chênh lệch để hưởng bằng mức hỗ trợ tương ứng với khoản 1 Điều này.

Điều 13. Nguồn kinh phí

Kinh phí thực hiện do ngân sách nhà nước đảm bảo theo phân cấp quản lý ngân sách và quy định pháp luật hiện hành.

Điều 14. Điều khoản thi hành

- 1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 7 năm 2026.
- 2. Nghị quyết số 137/2014/NQ-HĐND ngày 18 tháng 7 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc quy định chế độ hỗ trợ hàng tháng đối với đảng viên thuộc Đảng bộ tỉnh Vĩnh Phúc được tặng Huy hiệu 40 năm tuổi Đảng trở lên hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

3. Điều khoản chuyển tiếp

Đối với các đối tượng quy định tại Nghị quyết số 09/2024/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc quy định chính sách đặc thù hỗ trợ điều dưỡng phục hồi sức khỏe đối với người có công với cách mạng và hỗ trợ hàng tháng đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến trùng với đối tượng hưởng chính sách của Nghị quyết này ở khu vực tỉnh Vĩnh Phúc (cũ) thì tiếp tục thực hiện chính sách quy định tại Nghị quyết số 09/2024/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc quy định chính sách đặc thù hỗ trợ điều dưỡng phục hồi sức khỏe đối với người có công với cách mạng và hỗ trợ hàng tháng đối với thanh niên

xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến đến khi hết hiệu lực thi hành.

Điều 15. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết đảm bảo đúng các quy định của pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ khóa XX, Kỳ họp thứ Ba (kỳ họp thường lệ) thông qua ngày 30 tháng 6 năm 2026./

Nơi nhận:

- UBND, Chính phủ;
- VPQH, VPCP;
- Các Bộ: Tư pháp, Nội vụ, Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản và TCTHPL (Bộ Tư pháp);
- TTTU, TTHĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể ở tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- ĐU, TTHĐND, UBND các xã, phường;
- Trung tâm Thông tin - Công báo;
- Lưu: VT, TTDN.

CHỦ TỊCH



Bùi Đức Hình